TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/DS-ST
Ngày: 22 – 6 – 2023
V/v hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sơn – Ông Phạm Ngọc Nguyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 199/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. Cư trú: Số 271 hẻm 8, phường MX, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông Trần Thái H, sinh năm 1977. Cư trú: Số 43 đường LTK, phường MB, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào tháng 06/2022, ông Trần Thái H có mua 1 nền đất 140m^2 gần nhà bà Nguyễn Thị T nên bà T biết ông H. Ngày 22/02/2023, môi giới nhà đất có gọi cho bà T gửi ảnh cho bà T Hợp đồng tín dụng của ông H, bảo là ông H xoay còn thiếu 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng vài hôm trả, hỏi bà T có nguồn cho mượn không. Sau đó, bà T có nhắn

tin cho ông H hỏi xác định Hợp đồng đó có phải của ông H hay không. Ông H khẳng định đúng tên thì bà T đồng ý thỏa thuận gặp mặt Ghi giấy nhận nợ, bà T chuyển khoản 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông H mượn qua số tài khoản ông H với nội dung " A Hoa vay dao han ngan hang". Thời gian vay trong Giấy vay nợ là 05 ngày (từ 22/02/2023 đến 27/02/2023).

Chiều ngày 22/02/2023, ông H gọi hỏi mượn thêm 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) nói là bạn ông ấy không xoay kịp nên ông ấy không đủ tiền đáo hạn. Bà T tiếp tục chuyển khoản cho ông H 100 triệu đồng với nội dung "A Hoa muon them 100tr la 250tr" và có viết bổ sung vào giấy mượn tiền, tổng cộng 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Đến ngày hẹn như Giấy nhận nợ bà T đã nhiều lần liên nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ, cho đến nay ông H chưa trả vốn hay đóng lãi lần nào.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc yêu cầu ông Trần Thái H trả lại 250.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất bằng 1,6%/tháng tính từ ngày 22/02/2022.

Theo văn bản xác định yêu cầu khởi kiện ngày 20/6/2023, bà T xác định yêu cầu ông Trần Thái H trả số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự: theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thái H vắng mặt không tham gia phiên họp và không gửi tự khai trình bày ý kiến do đó không ghi nhận được ý kiến của của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đối với ông H có địa chỉ cư trú tại thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]*Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà T và bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và ông H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông H là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Bà T khởi kiện ông H về hợp đồng vay tài sản theo giấy mượn tiền ngày 22/02/2022 và ngày 23/02/2023, bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả vốn vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn. Tuy ông trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Theo giấy mượn tiền bà T cung cấp có nội dung ngày 22/02/2023 ông H vay của bà T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) thời hạn trả ngày 27/02/2023; ngày 23/02/2023 ông H vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tổng cộng 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết tên Trần Thái H cùng các thông tin họ tên, năm sinh, số căn cước công dân và nơi cư trú của ông H. Đồng thời, bà T cung cấp hình ảnh những đoạn tin nhắn zalo giữa tài khoản Trần Thái H và bà, trong đó có hình ảnh bà T chuyển khoản cho ông H số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 22/02/2023 và số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vào ngày 23/02/2023 phù hợp với nội dung giấy mượn tiền. Trong những tin nhắn zalo trao đổi qua lại sau ngày vay có nhiều tin nhắn bà T yêu cầu ông H trả số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng ông H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông H vẫn không có văn bản phản đối đối với chứng cứ là giấy mượn tiền này cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay này.

[2.3] Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 22/02/2023; ngày 23/02/2023 cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ, xét thấy có đủ cơ sở để xác định giữa bà T và ông H có xác lập giao dịch hợp đồng vay tài sản, việc giao dịch này tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Theo đó, thời hạn trả của hợp đồng vay là ngày 27/02/2023, đây là hợp đồng vay có thời hạn tuy nhiên cho đến nay ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với hợp đồng vay do đó căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)

[2.4] Về tiền lãi: Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy mượn tiền ngày 22/02/2023 và ngày 23/02/2023 không thể hiện thỏa thuận về lãi suất chỉ xác định thời hạn trả là ngày 27/02/2023, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng có thời hạn nhưng không có lãi suất. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tính tiền lãi từ ngày chậm trả là ngày tiếp theo

của ngày đến hạn trả mà ông H không trả, tính từ ngày 28/02/2023 cho đến ngày xét xử (ngày 22/6/2023) với lãi suất 10%/năm, cụ thể: 250.000.000đ x 10%/năm x 116 ngày = 7.945.000đ (bảy triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)

Như vậy, tổng số tiền ông H có nghĩa vụ trả cho bà T là: 250.000.000đ + 7.945.000đ = 257.945.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận do đó bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T tạm ứng án phí đã nộp. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trần Thái H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 257.945.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi: 7.945.000đ (bảy triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thái H phải chịu 12.897.000đ (mười hai triệu, tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.250.000đ đồng (sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001552 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Thái H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Tp.Long Xuyên;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường